

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND,
ngày /3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” và thực trạng triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong chuyển đổi số giáo dục và đào tạo (GDĐT), UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong lĩnh vực GDĐT để xây dựng một nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số; phấn đấu đến năm 2025 ngành GDĐT sử dụng đồng bộ hệ thống thông tin quản lý và hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành, cải cách thủ tục hành chính, các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục trên địa bàn tỉnh tổ chức dạy học, giáo dục trên môi trường số hiệu quả; đến năm 2030 toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh hoạt động có hiệu quả trên môi trường số, góp phần thực hiện thành công chương trình chuyển đổi số ở địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 60% học sinh, mỗi sinh viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

+ Trên 50% học sinh, học viên, sinh viên sử dụng nền tảng dạy và học trực tuyến;

+ 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh xây dựng và sử dụng hiệu quả kho học liệu trực tuyến và đáp ứng yêu cầu tài liệu số cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến:

+ 100% cơ sở giáo dục ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, trong đó 10% cơ sở giáo dục áp dụng được thi trực tuyến;

+ Nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học;

+ Trong số người học lấy văn bằng đại học thứ hai, có ít nhất 50% theo học hình thức trực tuyến (với thời lượng trực tuyến chiếm hơn 50%).

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

+ 100% người học và nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

+ 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục:

+ Các cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 90% hồ sơ công việc tại cấp sở; 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng; 60% hồ sơ từ các cơ sở giáo dục được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật);

+ 100% cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy, kịp thời và khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; triển khai kết nối liên thông cơ sở dữ liệu ngành với cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ sở dữ liệu quốc gia;

+ Kết nối được 70% các phần mềm đang được sử dụng có hiệu quả của ngành Giáo dục vào cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh bảo đảm có tính mở, thuận lợi trong việc thống kê, báo cáo;

+ 100% cơ sở giáo dục sử dụng phần mềm tự đánh giá trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia.

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân:

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4;

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

Phấn đấu đến năm 2030 toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh hoạt động có hiệu quả trên môi trường số, góp phần thực hiện thành công chương trình chuyển đổi số ở địa phương, trong đó:

- Hoàn thiện một nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số, hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến;

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành.

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác truyền thông về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Tăng cường công tác truyền thông để thay đổi nhận thức mạnh mẽ, sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp quản lý, sự chủ động tích cực của các cơ sở giáo dục và sự ủng hộ, tham gia của mỗi người học, mỗi nhà giáo và toàn xã hội với ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong GDĐT.

Phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin của Đảng và Nhà nước; quán triệt, tuyên truyền đến mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong ngành giáo dục, học sinh, sinh viên và toàn xã hội về sự tác động cũng như lợi ích của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số mang lại trong công tác quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá là góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hoàn thành mục tiêu chương trình chuyển đổi số tại địa phương; nhân rộng những mô hình hiệu quả, những cách làm hay, những cá nhân tiêu biểu trong quá trình thực hiện Đề án.

2. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, phát triển hệ sinh thái ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; hệ thống quản lý hành chính điện tử, liên thông trao đổi văn bản điện tử; đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục như: Tuyển sinh trực tuyến, thủ tục chuyển

trường, cấp phép hoạt động các cơ sở giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục, số hóa và cấp phát bản sao văn bằng chứng chỉ,...

Xây dựng và triển khai các phần mềm quản trị trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên; trên cơ sở dữ liệu quản trị nhà trường triển khai số hóa và ứng dụng CNTT trong nhà trường như hồ sơ điện tử, sổ đánh giá điện tử, học bạ điện tử, thông tin liên lạc giữa nhà trường với gia đình, tuyển sinh trực tuyến, kiểm định chất lượng giáo dục, thư viện điện tử...

Ứng dụng CNTT quản lý hồ sơ cán bộ công chức, viên chức toàn Ngành đảm bảo tính kế thừa, kết nối dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý, báo cáo, thống kê và liên thông với các phần mềm khác như: Đánh giá chuẩn nghề nghiệp đối với cán bộ quản lý, giáo viên; phần mềm thi đua khen thưởng,...

Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục, ưu tiên triển khai dịch vụ công trực tuyến về xét tuyển học sinh đầu cấp mức độ 3, mức độ 4; thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt.

Triển khai xây dựng kho học liệu số, chú trọng xây dựng bài giảng điện tử, tư liệu 3D, thí nghiệm ảo, phần mềm mô phỏng, sách điện tử tương tác,...; xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi cho tất cả các môn học giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Triển khai xây dựng các biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT theo quy định; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin; có biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống số và bảo mật thông tin của tổ chức, cá nhân và các hoạt động dạy học/giáo dục.

Xây dựng trung tâm điều hành, giám sát thông minh của ngành GDĐT nhằm hỗ trợ phân tích dữ liệu hoạt động quản lý giáo dục, kết nối vào trung tâm dữ liệu của tỉnh, quốc gia tạo một hệ sinh thái chuyển đổi số và CNTT toàn tỉnh.

3. Củng cố, tăng cường cơ sở hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Tăng cường đầu tư, mua sắm nâng cấp trang thiết bị CNTT đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số và ứng dụng CNTT; trang bị đồng bộ hạ tầng CNTT trong toàn ngành giáo dục đảm bảo cho công tác quản lý, dạy học được thực hiện một cách bình đẳng giữa các cơ sở giáo dục và đối tượng học sinh; bổ sung trang thiết bị mở rộng, nâng cấp các điểm cầu phục vụ hội nghị, sinh hoạt chuyên đề.

Ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến, phục vụ nhà trường, giáo viên, học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh, giáo viên ở những nơi còn khó khăn; phối hợp các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn tỉnh có chính sách, sản phẩm ưu đãi dành riêng cho giáo viên, học sinh và các nhà trường phục vụ cho công tác dạy - học trực tuyến (giảm giá gói cước 3G, 4G, cước dịch vụ Internet cáp quang,...).

Duy trì, nâng cấp kết nối Internet cáp quang đến tất cả các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục; đẩy mạnh các chương trình hợp tác giữa ngành giáo dục với Tập đoàn Viễn thông lớn trong cả nước.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học và kiểm tra, đánh giá đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy, học, kiểm tra đánh giá trong nhà trường; triển khai hình thức dạy học trực tuyến kết hợp với trực tiếp làm cơ sở xây dựng lớp học thông minh, trường học thông minh.

Thí điểm triển khai các mô hình dạy học/giáo dục tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Xây dựng các ứng dụng quản lý học tập và kiểm tra, đánh giá trực tuyến với nhiều tính năng: Kiểm duyệt nội dung, kế hoạch bài dạy (giáo án); theo dõi tình hình dạy - học của của giáo viên và học sinh; xây dựng và quản lý kho học liệu chung của đơn vị; xây dựng và quản lý ngân hàng câu hỏi, đề thi chung của đơn vị; tạo bài giảng, lịch dạy linh động, xây dựng tổ chức các bài kiểm tra; theo dõi tiến trình học và kết quả học của học sinh; học và làm bài tập, bài kiểm tra trực tuyến mọi lúc, mọi nơi; thảo luận trực tuyến với giáo viên và các học sinh khác...

5. Bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong nhà trường

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người học, làm việc và học tập hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; tiếp tục triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến, cung cấp tài khoản cho học viên để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên.

Khảo sát nhu cầu của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên để xác định nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn, cụ thể: Đối với đội ngũ cán bộ quản

lý, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng có hiệu quả các phần mềm quản lý trong nhà trường và kỹ năng quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành; đối với giáo viên, bồi dưỡng kỹ năng dạy học/giáo dục trực tuyến, kỹ năng xây dựng học liệu, khai thác các nguồn học liệu, kỹ năng tìm kiếm thông tin trên Internet, kỹ năng tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến đối với học sinh...

Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Huy động các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân phục vụ cho ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong lĩnh vực GDĐT; tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học để phục vụ hoạt động dạy học/giáo dục hiệu quả trong các nhà trường.

Đẩy mạnh triển khai chính sách thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình GDĐT mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; chính sách huy động sự tham gia và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và chuyên gia cho chuyển đổi số trong lĩnh vực GDĐT.

7. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT; rà soát, hoàn thiện quy chế quản lý, duy trì và hướng dẫn khai thác sử dụng hệ thống chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý, sử dụng hệ thống; triển khai ứng dụng CNTT phải đi đôi với việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng; có các hình thức khen thưởng đơn vị, cá nhân làm tốt; có các biện pháp đối với các đơn vị chưa hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phân cấp hiện hành và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương hàng năm, kết hợp huy động các nguồn hợp pháp khác triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn vốn xã hội hóa khác; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để tham mưu xây dựng và thực hiện kế hoạch triển khai Đề án.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra các huyện, thị xã, thành phố, các cơ sở giáo dục cụ thể hóa nội dung Kế hoạch để triển khai thực hiện.

c) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách triển khai thực hiện Kế hoạch; đồng thời, phối hợp với Sở Nội vụ để bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện.

d) Chủ trì tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo hằng năm; tổ chức sơ kết 02 năm và tổng kết sau khi kết thúc thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban, ngành liên quan, các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương, cổng thông tin điện tử, đài truyền thanh - truyền hình đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong lĩnh vực GDĐT.

b) Chủ trì, chỉ đạo các doanh nghiệp CNTT phát triển các nền tảng, cung cấp các giải pháp ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong lĩnh vực GDĐT.

c) Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ thông tin nghiên cứu, phát triển hạ tầng số, hạ tầng Internet đảm bảo triển khai hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực GDĐT ở địa phương; đảm bảo kết nối Internet tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách ưu đãi về dịch vụ

Internet và dịch vụ công nghệ thông tin đối với người học, đội ngũ nhà giáo và các cơ sở giáo dục.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban, ngành có liên quan bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước ở địa phương trong từng giai đoạn.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành chức năng có liên quan tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn thực hiện Kế hoạch.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí đầu tư phát triển (Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh) cho các dự án thuộc lĩnh vực GDĐT trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh theo quy định.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan vận động, huy động các nguồn tài trợ trong và ngoài nước để triển khai thực hiện Kế hoạch.

5. UBND huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ kế hoạch này, chỉ đạo phòng GDĐT tham mưu kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” tại địa phương.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch; tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết theo giai đoạn thực hiện kế hoạch và báo cáo kết quả triển khai thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo).

Trên đây là Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị liên hệ với Sở Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn xử lý hoặc báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền./.